TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2019/KDTM-ST
Ngày 30 - 12-2019
V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng và hợp đồng thế chấp tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Điển;

Ông Nguyễn Minh Toàn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Đỗ Thị Bích Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2017/TLST-KDTM ngày 24 tháng 7 năm 2017, về việc Tranh chấp hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2019/QĐXX-ST ngày 08 tháng 11 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2019/QĐST-KDTM ngày 27 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại Cổ phần TP; trụ sở chính: Toà nhà TP, số 57 A, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông C; địa chỉ: Số 6 B1, khu 678, tổ 42 cụm 5, phường D, quận E, Thành phố Hà Nội; là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (theo giấy ủy quyền lại số 018/2017/GUQ-TPB.BĐH ngày 21-02-2017 của Giám đốc khối pháp chế và xử lý nợ Miền Bắc Ngân hàng Thương mại Cổ phần TP); có mặt;

- *Bị đơn:* Công ty Cổ phần Thương mại TQT (nay là Công ty Cổ phần CVN); địa chỉ: Số 26 F, phường G, quận H, thành phố Hải Phòng.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông I, sinh năm 1985; địa chỉ: Xã J, huyện K, thành phố Hải Phòng; là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (theo Giấy ủy quyền số 01/UQ ngày 27-10-2017 của Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại TQT); vắng mặt;

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông NLQ1 và bà NLQ2; cùng địa chỉ: Số 62, Đường 208 L, xã M, huyện N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

2. Bà NLQ3; địa chỉ: Số 303 Lô A Chung cư O, phường P, quận Q, thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt;

3. Anh NLQ4; địa chỉ: Đường 208 R, xã S, huyện N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt;

4. Ông NLQ5; địa chỉ: Đường 208 R, xã S, huyện N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17-02-2017, quan điểm trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần TP (sau đây viết tắt là TP) trình bày:

Công ty Cổ phần Thương mại TQT, nay là Công ty Cổ phần CVN (sau đây viết tắt là TQT và CVN) vay vốn tại TP theo Hợp đồng tín dụng số 01290710CB/HP-TPB/HMTD/10 ngày 29-7-2010. Theo đó, số tiền vay: 2.000.000.000 đồng; mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động kinh doanh sắt thép; thời hạn cho vay: 06 tháng kể từ ngày nhận nợ.

Thực hiện hợp đồng tín dụng nêu trên, ngày 23-7-2011, TP đã giải ngân cho TQT vay theo Khế ước nhận nợ số 05 ngày 23-7-2011. Số tiền giải ngân: 2.000.000.000 đồng. Ngày giải ngân: 23-7-2011. Ngày đến hạn trả nợ cuối cùng: 27-01-2012. Lãi suất: 25%/ năm. Lãi suất thay đổi theo quy định của TP trong từng thời kỳ.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên gồm:

- Tài sản 1: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa 107, tờ bản đồ số 12 diện tích đất 255 m^2 đất ở lâu dài tại địa chỉ Đường 208 R, xã S, huyện N, thành phố Hải Phòng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất S772432, vào sổ cấp số 03910 QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện T (nay là huyện N), thành phố Hải Phòng cấp cho ông NLQ1 ngày 30-01-2002. Tài sản nêu trên được ông NLQ1 và bà NLQ2 thế chấp cho TP theo Hợp đồng thế chấp tài sản ba bên số 01290710/HĐTC-

BĐS/HP.10 ngày 29-7-2010 tại Văn phòng Công chứng Hải Phòng, số CC 773 quyển số 05/2010.TP/CC-SCC/HĐGD ký ngày 29-7-2010.

- Tài sản 2: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với diện tích đất 25,1 m^2 đất ở đô thị tại thửa 224, tờ bản đồ số 30; tài sản gắn liền với đất là: Nhà ở 02 tầng, tường gạch mái bê tông; diện tích 50 m^2. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu về nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA905725, số vào sổ cấp GCN CH 00063 do Ủy ban nhân dân quận H, Hải Phòng cấp cho ông U và bà V ngày 10-02-2010. Tài sản này đã được ngân hàng giải chấp cho chủ sở hữu trước khi khởi kiện.

Trong quá trình trả nợ vay, TQT đã vi phạm nghĩa vụ, không thanh toán nợ cho TP. TP nhiều lần làm việc, gửi thông báo và tạo điều kiện cho TQT thanh toán nợ nhưng bị đơn vẫn không thực hiện.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của mình, TP đề nghị Toà án giải quyết:

1. Buộc TQT (nay là CVN) thanh toán ngay cho TP:

a. Tổng số tiền (tạm tính đến ngày 30-12-2019) là: 4.725.521.432 đồng. Trong đó: Nợ gốc là: 1.371.638.998 đồng, nợ lãi: 3.353.882.434 đồng.

b. Các khoản tiền lãi, tiền phạt tính trên tổng số tiền tại Mục a nêu trên kể từ ngày 31-12-2019 cho đến ngày khoản nợ được thanh toán hết.

Trong trường hợp TQT (nay là CVN) không thanh toán toàn bộ khoản nợ cho TP thì TP có quyền đề nghị cơ quan thi hành án tiến hành kê biên và phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ cho TP. Tài sản bảo đảm là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa 107, tờ bản đồ số 12 tại địa chỉ Đường 208 R, xã S, huyện N, thành phố Hải Phòng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất S772432, vào sổ cấp số 03910 QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện T (nay là huyện N), Hải Phòng cấp cho ông NLQ1 ngày 30-01-2002. Nếu số tiền thu được từ bán/ xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì TQT (nay là CVN) vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho TP.

Trong quá trình thi hành án nếu người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có nguyện vọng thanh toán tiền nợ thay cho TQT để giải chấp tài sản thì TP sẽ tạo mọi điều kiện.

Theo bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, bị đơn TQT (nay là CVN) trình bày:

TQT (nay là CVN) xác nhận có ký kết Hợp đồng tín dụng số 01290710CB/HP-TPB/HMTD/10 ngày 29-7-2010 với TP.

Trong quá trình trả nợ vay, do điều kiện kinh tế suy thoái, kinh doanh thua lỗ nên TQT đã vi phạm nghĩa vụ, không thanh toán nợ cho TP. Mặc TP cũng gửi thông báo và tạo điều kiện cho TQT thanh toán nợ nhưng TQT vẫn không thực hiện được nghĩa vụ thanh toán nợ của mình cho TP.

Nay, TQT (nay là CVN) xác nhận còn nợ TP: Nợ gốc là: 1.371.638.998 đồng; nợ lãi ngân hàng tính theo quy định nên bị đơn không có ý kiến gì.

CVN cam kết sẽ thanh toán số nợ gốc, nợ lãi cho TP theo yêu cầu của TP.

Tại bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông W, bà X trình bày:

Ông W và bà X là chủ sở hữu hợp pháp của tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa 107, tờ bản đồ số 12 tại địa chỉ Đường 208 R, xã S, huyện N, thành phố Hải Phòng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất S772432, vào sổ cấp số 03910 QSDĐ do UBND huyện T (nay là huyện N), Hải Phòng cấp cho ông W ngày 30-01-2002.

Trước đây do cần tiền xây nhà và có người giới thiệu nên ông W và bà X đã thế chấp tài sản nêu trên của mình để vay số tiền 500.000.000 đồng từ TP thông qua sự giúp đỡ của TQT. Ông bà xác nhận ông bà đã nhận đủ số tiền vay này và cũng ký nhận đầy đủ giấy tờ nhận tiền và Hợp đồng thế chấp tài sản. Hàng tháng ông bà vẫn trả nợ gốc và lãi cho TP đối với khoản tiền vay 500.000.000đồng.

Nay TP khởi kiện buộc TQT phải thanh toán nợ cho TP. Trong trường hợp TQT không thanh toán được nợ thì đề nghị cơ quan có thẩm quyền Xử lý tài sản bảo đảm là nhà đất thuộc sở hữu của ông bà thì ông bà đề nghị Tòa án để cho gia đình thỏa thuận với TP để giải chấp tài sản. Số tiền ông bà đã trả nợ thay cho TQT thì đề nghị TQT phải thanh toán lại cho ông bà.

Tại bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà NLQ3 trình bày:

Ông W bà bà X đã dùng Tài sản là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa 107, tờ bản đồ số 12 tại địa chỉ Đường 208 R, xã S, huyện N, thành phố Hải Phòng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất S772432, vào sổ cấp số 03910 QSDĐ do UBND huyện T (nay là huyện N), Hải Phòng cấp cho ông ngày 30-01-2002 để thế chấp tại TP. Mặc dù giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên mình ông W nhưng bà và ông NLQ5 đều có quyền và lợi ích trong đó. Đây là tài sản do bố mẹ bà để lại, trước khi mất bố mẹ bà có phân chia: Ông W được hưởng chiều rộng là 9,5m x chiều dài là 17,4m = 165,3m^2; bà được hưởng chiều rộng là 4,5m x chiều dài là 17,4m = 78,3m^2; ông NLQ5 được hưởng chiều rộng là 0,7m x chiều dài là 17,4m = 12,18m^2. Việc phân chia này chỉ thực hiện bằng

miệng và thỏa thuận trong nội bộ gia đình, bà và ông NLQ5 không có tài liệu chứng cứ pháp lý nào thể hiện quyền sở hữu của mình đối với mảnh đất này.

Nay TP khởi kiện buộc TQT phải thanh toán nợ cho TP. Trong trường hợp TQT không thanh toán được nợ thì đề nghị cơ quan có thẩm quyền Xử lý tài sản bảo đảm thì bà đề nghị Tòa án để cho bà lấy lại tài sản của bà có liên quan.

Tại bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông NLQ5 trình bày:

Ông cũng đồng nhất quan điểm với quan điểm của bà NLQ3 đã trình bày. Tuy nhiên, phần đất ông được hưởng, ông đã cho lại cho cháu trưởng là anh NLQ4.

Nay TP khởi kiện buộc TQT phải thanh toán nợ cho TP. Trong trường hợp TQT không thanh toán được nợ thì đề nghị cơ quan có thẩm quyền Xử lý tài sản bảo đảm thì ông đề nghị Tòa án để cho gia đình giải chấp tài sản.

Tại bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh NLQ4 trình bày:

Anh được ông NLQ5 tặng cho phần đất với chiều rộng là 0,7m x chiều dài là 17,4m = 12,18m^2. Sau khi được ông NLQ5 cho anh đã nhập vào phần đất của mình và xây dựng nhà trên đó.

Nay TP khởi kiện buộc TQT phải thanh toán nợ cho TP. Trong trường hợp TQT không thanh toán được nợ thì đề nghị cơ quan có thẩm quyền Xử lý tài sản bảo đảm thì anh đề nghị Tòa án tạo điều kiện để cho gia đình anh giải chấp tài sản.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Việc xác định về thẩm quyền; về quan hệ pháp luật tranh chấp; về tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; về việc thu thập chứng cứ; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viển Kiểm sát; việc cấp tống đạt văn bản tố tụng; người đại diện hợp pháp của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt tại phiên toà đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên toà và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên toà đã thực hiện đúng và đầy đủ theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên thời hạn giải quyết có bị kéo dài do vụ án có tính chất khó khăn, phức tạp.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 30, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; căn cứ Điều 307, Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015; căn cứ các điều 122, 124, 280, 281, 290, 318, 319, 323, 342, 343, 344, khoản 7 Điều

351, khoản 2 Điều 353, 355, 389, 401, 402, 405, 471, 474, 476, 478, 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005; căn cứ Điều 91, khoản 16 Điều 4 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); căn cứ Điều 302, Điều 303, Điều 306 Luật Thương mại; căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của TP đối với TQT (nay là CVN). Buộc TQT (CVN) phải thanh toán cho TP tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 30-12-2019 là: 4.725.521.432 đồng. Trong đó: Nợ gốc là: 1.371.638.998 đồng, nợ lãi: 3.353.882.434 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 31-12-2019 cho đến khi thi hành án xong, TQT (CVN) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Trường hợp TQT (CVN) không thực hiện việc trả toàn bộ khoản tiền nợ nói trên cho TP thì TP có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp (Hợp đồng thế chấp tài sản ba bên số 01290710/HĐTC-BĐS/HP.10 ngày 29-7-2010), theo quy định của pháp luật, để thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ.

Trong quá trình thanh toán theo thứ tự nêu trên, nếu không trả đủ thì TQT (CVN) còn phải trả tiếp phần còn thiếu đối với các khoản nợ tương ứng còn phải thanh toán, nếu còn thừa thì trả lại cho gia đình ông W và bà X.

Về án phí sơ thẩm: Trả lại TP số tiền đã tạm ứng án phí. TQT (CVN) phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả thảo luận, Hội đồng xét xử nhận định:

Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1] Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy người đại diện hợp pháp của bị đơn vắng mặt nhưng đã có đề nghị xét xử vắng mặt; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với người đại diện hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp phát sinh từ hợp đồng tín dụng, bị đơn có địa chỉ trụ sở tại quận Hồng Bàng nên Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng thụ lý giải quyết và xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại theo Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết là đúng quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về thời hiệu: Các bên không yêu cầu áp dụng thời hiệu nên Hội đồng xét xử không áp dụng quy định về thời hiệu theo khoản 2 Điều 149 Bộ luật Dân sự.

[4] Về hiệu lực của các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản đã ký kết giữa các bên: Các hợp đồng được xác lập trên cơ sở tự thỏa thuận giữa các bên; hình thức và nội dung của hợp đồng đều phù hợp với quy định tại các điều 122, 124, 318, 319, 342, 343, 344, 389, 401, 402 và 405 của Bộ luật Dân sự năm 2005; phù hợp với các quy định của Luật các tổ chức tín dụng. Tài sản thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định tại Điều 323 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Như vậy, các hợp đồng trên đều có hiệu lực pháp luật, các bên phải có nghĩa vụ thực hiện đúng cam kết đã thỏa thuận trên hợp đồng.

Về áp dụng pháp luật nội dung:

[5] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, TP đã thực hiện đúng nghĩa vụ của bên cho vay như đã thỏa thuận trong hợp đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, TQT (CVN) sau khi đã thanh toán tổng số tiền là 885.194.337 đồng; trong đó nợ gốc 628.361.002 đồng; lãi 256.833.335 đồng thì đã không thực hiện đầy đủ tiếp nghĩa vụ thanh toán các khoản tiền nợ gốc, tiền nợ lãi cho TP theo thỏa thuận và cam kết trong hợp đồng. Như vậy, TQT (CVN) đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ.

Các khoản nợ cụ thể mà TP yêu cầu TQT (CVN) phải trả đều có các tài liệu chứng từ chứng minh. Khoản tiền lãi được tính toán theo đúng thỏa thuận về mức lãi suất giữa các bên trong hợp đồng tín dụng, phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng và quy định của pháp luật. Thời gian chịu lãi được tính chính xác theo hợp đồng.

Hội đồng xét xử thấy rằng yêu cầu của nguyên đơn phù hợp với quy định tại các điều 280, 281, 290, 471 , 474, 476 và 478 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 302, Điều 303, Điều 306 Luật Thương mại; khoản 2 Điều 91, khoản 16 Điều 4 và Điều 95 Luật các Tổ chức Tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Như vậy, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc: Buộc TQT (CVN) phải thanh toán cho TP tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 10-12-2019 là: 4.725.521.432 đồng. Trong đó: Nợ gốc là: 1.371.638.998 đồng, nợ lãi: 3.353.882.434 đồng.

Ngoài ra Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019, TQT (CVN) tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ theo quy định của pháp luật kể từ ngày 31-12-2019 cho đến khi TQT (CVN) thanh toán hết nợ vay cho TP.

- Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, trường hợp TQT (CVN) không thực hiện việc trả toàn bộ khoản tiền nợ nói trên cho TP thì TP có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa 107, tờ bản đồ số 12 diện tích đất 255 m^2 đất ở lâu dài tại địa chỉ Đường 208 R, xã S, huyện N, thành phố Hải Phòng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất S772432, vào sổ cấp số 03910 QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện T (nay là huyện N), Hải Phòng cấp cho ông NLQ1 ngày 30-01-2002 theo quy định của pháp luật để thực hiện nghĩa vụ thanh toán các khoản nợ, phù hợp với quy định tại khoản 7 Điều 351, Điều 355 Bộ luật Dân sự 2005. Nếu số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ để thu hồi nợ thì TQT (CVN) vẫn phải có nghĩa vụ trả nợ gốc và nợ lãi phát sinh cho TP theo lãi suất nợ quá hạn đã nêu trong Hợp đồng tín dụng và Giấy nhận nợ theo quy định của pháp luật cho đến khi trả xong các khoản nợ.

[6] Về yêu cầu của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Đối với yêu cầu của ông W, bà X, ông NLQ5 và anh NLQ4 về việc đề Hội đồng xét xử và TP tạo điều kiện cho gia đình giải chấp tài sản.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Việc giải chấp tài sản các bên có quyền thống nhất thỏa thuận với nhau trong quá trình thi hành án. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Đối với yêu cầu TQT có trách nhiệm thanh toán lại cho gia đình bà X các khoản nợ, gia đình bà X đã thanh toán cho TP thay cho TQT.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Đây là yêu cầu hoàn toàn hợp lý và phù hợp với quy định của pháp luật và có căn cứ nên cần chấp nhận.

Đối với yêu cầu của bà NLQ3 về việc cho bà lấy lại tài sản của bà có liên quan:

Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà NLQ3 trình bày thửa 107, tờ bản đồ số 12 có phần đất của bà được mẹ bà cho. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án bà NLQ3 không cung cấp dược bất kỳ tài liệu chứng cứ nào chứng minh mình có quyền và lợi ích hợp pháp với thửa đất trên. Hơn nữa ngày 30-01-2002 Ủy ban nhân dân huyện T (nay là huyện N), thành phố Hải Phòng cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S772432, vào sổ cấp số 03910 QSDĐ cho ông NLQ1 đối với thửa đất này. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng không có bất kỳ tranh chấp

nào nên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông W là hoàn toàn hợp pháp nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà NLQ3.

[7] Về án phí sơ thẩm: Theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên TP không phải chịu tiền án phí sơ thẩm. Trả lại TP số tiền 47.441.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0009895 ngày 19-7-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

TQT phải chịu tiền án phí sơ thẩm là: 112.726.000 đồng.

[8] Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 307, Điều 357, Điều 468 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 122, 124, 280, 281, 290, 318, 319, 323, 342, 343, 344, khoản 7 Điều 351, khoản 2 Điều 353, 355, 389, 401, 402, 405, 471, 474, 476, 478, 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 91, khoản 16 Điều 4 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ Điều 302, Điều 303 và Điều 306 của Luật Thương mại;

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần TP đối với Công ty Cổ phần Thương mại TQT (nay là Công ty Cổ phần CVN):

Buộc Công ty Cổ phần Thương mại TQT (nay là Công ty Cổ phần CVN) phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần TP tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 30-12-2019 là: 4.725.521.432 (bốn tỷ bảy trăm hai mươi lăm triệu năm trăm hai mươi mốt nghìn bốn trăm ba mươi hai) đồng. Trong đó: Nợ gốc là: 1.371.638.998 (Một tỷ ba trăm bảy mươi mốt triệu sáu trăm ba mươi tám nghìn

chín trăm chín mươi tám) đồng, nợ lãi: 3.353.882.434 (ba tỷ ba trăm năm mươi ba triệu tám trăm tám mươi hai nghìn bốn trăm ba mươi tư) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày 31-12-2019 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

Đối với khoản tiền nợ nêu trên, khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành cho đến khi thi hành án xong, nếu người phải thi hành án dân sự không thi hành thì hàng tháng phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Trường hợp Công ty Cổ phần Thương mại TQT (nay là Công ty Cổ phần CVN) không thực hiện việc trả toàn bộ khoản tiền nợ nói trên cho Ngân hàng thương mại cổ TP thì Ngân hàng thương mại cổ phần TP có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp (Hợp đồng thế chấp tài sản ba bên số 01290710/HĐTC-BĐS/HP.10 ngày 29-7-2010), theo quy định của pháp luật để thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản tiền trên cho Ngân hàng thương mại cổ phần TP. Tài sản thế chấp được xử lý là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa 107, tờ bản đồ số 12, đất ở lâu dài, diện tích đất 255 m^2 tại địa chỉ Đường 208 R, xã S, huyện N, thành phố Hải Phòng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất S772432, vào sổ cấp số 03910 QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện T (nay là huyện N), thành phố Hải Phòng cấp cho ông NLQ1 ngày 30-01-2002.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần TP số tiền 47.441.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0009895 ngày 19-7-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Công ty Cổ phần Thương mại TQT (nay là Công ty Cổ phần CVN) phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 112.726.000 đồng (một trăm mười hai triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

4. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đối với nguyên đơn có quyền kháng cáo;

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết đối với đối với bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt đều có quyền kháng cáo.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời

hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Trung Dũng